

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST

Ngày 16-9-2020

V/v tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-DS ngày 20-4-2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-DS ngày 06-7-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng L, bà Võ Thị G; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn S, bà Đỗ Thị Minh H; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 10-3-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Võ Thị G trình bày:*

Giữa ông, bà và ông S, bà H có mối quan hệ họ hàng, bà H là cháu ruột của ông L. Ngày 05-6-2014 âm lịch, ông, bà có cho ông S, bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Việc vay tiền có lập thành văn bản ông, bà đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi vay, ông S, bà H trả lãi đầy đủ được 6 tháng, sau đó đến năm 2015 thì trả lãi 2.000.000 đồng/tháng cho đến tháng 3-2019 thì không trả lãi nữa. Ông, bà đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà H trả nợ nhưng ông S, bà H không trả.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, bà H phải trả cho ông, bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

*2. Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 14-5-2020, bị đơn bà Đỗ Thị Minh H trình bày:*

Bà là cháu ruột của ông L. Ngày 05-6-2014, bà và ông S có vay của ông L, bà G số tiền gốc 200.000.000 đồng, mục đích vay để đóng tàu cá đánh bắt hải sản, lãi suất thỏa thuận 6.500.000 đồng/tháng, khi nào ông L, bà G cần tiền thì báo trước để bà trả nợ. Hai bên có lập giấy vay tiền, chữ viết từ các dòng số 01 đến dòng số 14 trong giấy vay tiền là của ông L, chữ viết tại các dòng còn lại của giấy vay tiền là của bà. Sau khi vay, bà và ông S đã trả lãi đầy đủ trong vòng 02 năm đầu tiên; đến năm thứ ba do làm ăn khó khăn nên chỉ trả lãi hàng tháng 2.000.000 đồng, đến tháng 3-2019 thì không trả lãi nữa. Bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả lãi.

Bà đồng ý trả cho ông L, bà G số tiền 200.000.000 đồng, nhưng mong muốn ông L, bà G tạo điều kiện để bà và ông S trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả cho ông L, bà G.

*3. Bị đơn ông Lê Tấn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

*4. Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H, ông S có nghĩa vụ trả cho ông L, bà G số tiền gốc 200.000.000 đồng. Tiền lãi ông L, bà G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Võ Thị G vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Đỗ Thị Minh H, ông Lê Tấn S vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và những tình tiết do nguyên đơn trình bày, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết vụ án trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Bà H thừa nhận chữ viết từ dòng số 01 đến dòng 14 trong Giấy vay tiền ngày 05-6-2014 âm lịch mà ông L, bà G cung cấp cho Tòa án là của ông L, các dòng còn lại là chữ viết của bà H và xác định số tiền vay của ông L, bà G là 200.000.000 đồng, mục đích vay là để đóng tàu đánh bắt hải sản.

[2.3] Theo Giấy vay tiền ngày 05-6-2014 âm lịch (đã được bà H thừa nhận) thể hiện thời hạn trả nợ là “khi đủ năm” tức là khi tròn 01 năm kể từ ngày 05-6-2014 âm lịch. Tuy ông S không ký trong giấy vay tiền nhưng mục đích vay là để đóng tàu đánh bắt hải sản phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó đến nay bà H, ông S chưa trả nợ cho ông L, bà G là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên việc ông L, bà G khởi kiện yêu cầu bà H, ông S trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông L, bà G không yêu cầu bà H, ông S trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Bà H trình bày sau khi vay, bà đã trả lãi đầy đủ theo mức lãi suất 6.500.000 đồng/tháng trong 02 năm đầu tiên, sau đó trả 2.000.000 đồng/tháng đến tháng 3-2019 thì ngừng không trả lãi nữa. Tuy nhiên bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả lãi 6.500.000

đồng/tháng trong 02 năm đầu tiên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà H về tiền lãi đã trả. Hơn nữa bà Hoa không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà H, ông S có đơn xin giảm tiền án phí với lý do dịch bệnh Covid-19 nên không có nguồn thu nhập, không có đủ tài sản để nộp án phí; tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã N xác nhận bà H, ông S làm nghề khai thác kém hiệu quả, kinh tế khó khăn. Xét hoàn cảnh kinh tế của bà H, ông S khó khăn không thuộc trường hợp bất khả kháng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận giảm án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, ông S.

Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà G nên bà H, ông S phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm (200.000.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông L, bà G.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L, bà Võ Thị G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Đỗ Thị Minh H, ông Lê Tấn S có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Hồng L, bà Võ Thị G số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Bà Đỗ Thị Minh H, ông Lê Tấn S phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng L, bà Võ Thị G số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0003422 ngày 31-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hồng Ánh**